

Bản án số:...../2023/DS-ST

Ngày: 17/8/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Văn Quý

- Ông Nguyễn Duy Vững

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải- Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Dinh Tiến Kiên – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:14/2023/TLST-DS Ngày 18 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXX-DSST ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Bưu điện LV. Địa chỉ: Số 106- Trần Hưng Đ, phường CN, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T- Chức vụ: Quyền tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện LV

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Mạnh H- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện LV Chi nhánh P. Ông Vũ Mạnh H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Tiến Đ - chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch TS.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1969

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1972.

Đều địa chỉ: Khu ĐT, xã ĐT, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP Bưu điện LV có đăng ký kinh doanh và ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị C không có đăng ký kinh doanh đã giao kết với nhau hợp đồng hạn mức tín dụng, hợp đồng thế chấp cụ thể như sau:

Ngày 08/3/2022 Ông Nguyễn Văn B và Bà Hoàng Thị C ký hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐTD26B202286 vay vốn tại LPBank Chi nhánh P, số tiền vay hạn mức 1.000.000.000 đồng ( *Bằng chữ: Một tỷ đồng chẵn./.*) Mục đích vay vốn: Theo sản phẩm Cho vay Bổ sung vốn lưu động kinh doanh đồ gỗ và buôn bán đồ nội thất của gia đình Ông Nguyễn Văn B và Bà Hoàng Thị C.

Quá trình vay vốn như sau:

- Ngày 08/3/2022 ông Báo bà C nhận nợ tại Ngân hàng 900.000.000đồng
- Ngày 03/8/2022 ông Báo bà C đáo hạn và nhận nợ lại 900.000.000đồng
- Ngày 05/01/2023 ông B bà C đến hạn trả nợ, ông B bà C trả khoản nợ 900.000.000đ làm 3 lần, mỗi lần 300.000.000đ. Ngân hàng giải ngân cho ông B bà C nhận nợ 2 lần vào ngày 05/01/2023 và ngày 06/01/2023, mỗi lần 300.000.000đ, tổng ông B bà C nhận nợ là 600.000.000đ. Ngân hàng thu nợ 300.000.000đ không giải ngân cho ông B bà C vay lại với lý do quá trình thực hiện khoản vay, ông B bà C thường xuyên chậm trả lãi, tại thời điểm nhận nợ vào ngày 05/01/2023 và ngày 06/01/2023 hộ gia đình ông B bà C không còn sản xuất kinh doanh nữa đồ gỗ nữa.

Quá trình thực hiện khoản vay ngày 05/01/2023 và 06/01/2023 ông B và C đã nhiều lần không trả lãi đúng hạn, từ ngày 20/3/2023 khoản vay của ông B bà C đã bị chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/08/2023 ông Nguyễn Văn B và Bà Hoàng Thị C còn nợ tổng số tiền 628.754.644 đồng, cụ thể như sau:

- + Nợ gốc quá hạn: 599.999.992 đồng.
- + Lãi quá hạn: 12.260.959 đồng.
- + Lãi trong hạn: 16.493.688 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 221, tờ bản đồ số 37, đại chỉ: Khu ĐD, xã ĐT, huyện Y, tỉnh Phú Thọ, diện tích 1823m<sup>2</sup> (400m<sup>2</sup> đất ở, còn lại là đất vườn) tại giấy CNQSDĐ số ĐĐ 933266, Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 28/01/2022 tên người sử dụng đất ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị C, thế chấp cho ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện LV theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC26b202286 ngày 08/3/2022. Theo yêu cầu của Tòa án, Ngân hàng đã đề nghị Tòa án tiến hành thẩm định các tài sản thế chấp nêu trên.

Quá trình giải quyết, giữa Ngân hàng và ông B, bà C đã thỏa thuận: Ông B bà C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền gốc 600.000.000đồng, tiền lãi phát sinh đến ngày 01/6/2023 là 776.000đồng, thời hạn trả nợ khi án có hiệu lực, nếu vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì thực hiện theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp ngày 03/8/2022. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã tạm ứng chi phí tố tụng: 20.000.000đồng, hai bên đã thỏa thuận Ngân hàng tự nguyện hỗ trợ ông B bà C 5.000.000đồng, ông B bà C còn phải thanh toán cho Ngân hàng 15.000.000đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng giữ nguyên nội dung về chi phí tố tụng mà hai bên đã thỏa thuận, còn các nội dung khác Ngân hàng không đồng ý sự thỏa thuận trước đây nữa, mà đề nghị Tòa án:

- Buộc ông B bà C có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ tính đến ngày 17/8/2023 là: Nợ gốc quá hạn: 599.999.992 đồng, lãi quá hạn: 12.260.959 đồng, lãi trong hạn: 16.493.688 đồng. Tổng nợ là: 628.754.644đồng

- Buộc ông B và bà C phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng hạn mức tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ mà ông B và bà C đã ký kết với Ngân hàng nếu không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc không đầy đủ.

- Nếu ông B bà C không thanh toán được số tiền nợ hoặc thanh toán số tiền nợ không đầy đủ, đề nghị Tòa án cho xử lý toàn bộ tài sản thế chấp bảo đảm bảo cho các khoản tiền vay được ghi trong các hợp đồng thế chấp và hợp đồng tín dụng để thu hồi nợ.

- Nếu đã xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án tiếp tục kê biên các tài sản khác của ông B bà C để thu hồi nợ.

*Trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà C đều trình bày:*

Ông bà có ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng, hợp đồng thế chấp để vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện LV, có các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và quá trình thực hiện hợp đồng như nguyên đơn trình bày, ông bà còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi như Ngân hàng trình bày là đúng, nay ông bà nhất trí trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng như trên, nếu chưa trả được ông bà nhất trí tiếp tục phải chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng hạn mức tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ mà ông bà đã ký kết với Ngân hàng; Nếu không trả được bà nhất trí xử lý tài sản đã thế chấp với Ngân hàng để trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng; Nếu xử lý tài sản thế chấp mà chưa đủ trả nợ bà nhất trí Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại các tài sản khác thuộc quyền sử dụng và sử hữu của ông bà để trả nợ cho Ngân hàng; Ngoài ra ông B và bà C còn trình bày do hiện nay hoàn cảnh kinh tế của ông bà khó khăn nên ông bà đề nghị Ngân hàng xem xét cho ông bà được trả dần số tiền gốc và tiền lãi, còn số tiền chi phí tố tụng mà Tòa án đã chi phí ông bà nhất trí, ông bà nhất trí thanh toán số tiền 15.000.000đ cho Ngân hàng.

Ông B và C còn đề nghị Tòa án xem xét hiện nay ông bà đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Tòa án miễn tiền án phí.

Sau khi nghe ý kiến của ông B và C, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Pháp luật; Về nội dung vụ án: Có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo thỏa thuận tại hợp đồng hạn mức tín dụng và giấy nhận nợ mà hai bên đã ký kết, có căn cứ xác định các bên đã ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản tiền vay trong hợp đồng tín dụng, nay bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ và đã vi phạm thời hạn trả nợ; Kiểm sát viên có quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 điều 12, điều 14, điều 15, khoản 7 Điều 26 nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện LV.

- Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV số tiền: nợ gốc quá hạn: 599.999.992đồng, lãi quá hạn: 12.260.959đồng, lãi trong hạn: 16.493.688đồng. Tổng nợ là: 628.754.644đồng

- Ông B và C có trách nhiệm tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2023 theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐTD26b202286 ngày 08/3/2022 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 05/01/2023, ngày 06/01/2023, nếu ông B và C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc không đầy đủ.

Trường hợp trong hợp đồng hạn mức tín dụng, giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông B bà C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Bưu điện LV.

- Nếu ông B bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Bưu điện LV có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự xử lý các tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số HĐT 26b202286 ngày 08/3/2022 theo luật Thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

- Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thanh toán cho các khoản vay phát sinh tại hợp đồng tín dụng số HĐT 26b202286 ngày 08/3/2022 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 05/01/2023, ngày 06/01/2023 thì Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự kê biên phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông B bà C theo Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

Về án phí:

- Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn B.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV số tiền tạm ứng án phí là 14.149.000đ (Mười bốn triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án số 0008656 ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

- Ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV số tiền chi phí tố tụng là 15.000.000đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:

Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn tranh chấp hợp đồng tín dụng: ông B bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc từ ngày 20/02/2023, do đó phía Ngân hàng khởi kiện bị đơn đề nghị Tòa án buộc ông B bà C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng là đảm bảo về điều kiện khởi kiện và nội dung nguyên đơn khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án: Theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể bị đơn có địa chỉ tại xã Khu ĐD, xã ĐT, huyện Y, tỉnh Phú Thọ do đó vụ án dân sự nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lập.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP Bưu điện LV là chủ thể có đăng ký kinh doanh nhằm mục đích lợi nhuận, bị đơn là hộ gia đình không có đăng ký kinh doanh, nay xảy ra tranh chấp được xác định là quan hệ tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[4] Về tư cách đương sự:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Bưu điện LV, người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T - Chức vụ: Quyền tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện LV; Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Mạnh - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện LV Chi nhánh PT; Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tiến Đ - Giám đốc phòng giao dịch TS.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Văn B, ông B bà C trực tiếp tham gia ký hợp đồng hạn mức tín dụng, ký hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp là tài sản của ông B bà C nên bà C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[5] Về nội dung vụ án:

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐTD26B202286 ngày 08/3/2022 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 05/01/2023, thể hiện số tiền ông B bà C nhận nợ 300.000.000đồng, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 06/01/2023 thể hiện ông B bà C tiền nhận nợ số tiền 300.000.000đồng, như vậy Ngân hàng đã giải ngân cho ông B bà C vay tổng số tiền 600.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11,7%/năm, và lãi suất này được áp dụng cho đến nay, cụ thể:

- Đối với khoản vay 300.000.000đồng ngày 05/01/2023, ngày đến hạn phải trả toàn bộ tiền vay 05/07/2023. Đến ngày 17/8/2023 khoản vay đã quá hạn 43 ngày, số nợ gốc quá hạn 299.999.992đồng (Do trong tài khoản Ngân hàng LV của ông B bà C có dư 8 đồng nên Ngân hàng trừ vào nợ gốc). Lãi trong hạn: 11,7%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn = 17,55%/ năm. Tiền lãi quá hạn =  $(299.999.992\text{đồng} \times 17,55\% \times 43 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 6.202.603\text{đồng}$ .

- Đối với khoản vay 300.000.000đồng ngày 06/01/2023, ngày đến hạn phải trả toàn bộ tiền vay 06/07/2023. Đến ngày 17/8/2023 khoản vay đã quá hạn 42 ngày, số nợ gốc quá hạn 300.000.000đồng. Lãi trong hạn: 11,7%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn = 17,55%/ năm. Tiền lãi quá hạn =  $(300.000.000\text{đồng} \times 17,55\% \times 43 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 6.058.256\text{đồng}$ . Tổng nợ lãi quá hạn: 12.260.959đồng

Lãi trong hạn 11,7%/ 1 năm, 0,975%/ tháng, trong 6 tháng tổng 2 khoản vay, số tiền lãi trong hạn là 25.413.327đồng, ông B bà C đã trả được 9.000.000đồng tiền lãi trong hạn, hiện còn nợ lãi trong hạn :16.493.688 đồng

Như vậy Ngân hàng yêu cầu ông B bà C trả tổng số tiền nợ gốc quá hạn: 599.999.992đồng, lãi quá hạn: 12.260.959 đồng, lãi trong hạn: 16.493.688 đồng. Tổng nợ là: 628.754.644 đồng (Làm tròn là 628.755.000 đồng) là có căn cứ.

- Đối với hợp đồng thế chấp tài sản số HĐTC26b202286 ngày 08/3/2022 mà các bên đã giao kết để đảm bảo cho các khoản tiền vay được xác định ông B bà C đã thế chấp thửa đất số 221, tờ bản đồ số 37, diện tích 1823m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất khu ĐT, xã ĐT, huyện Y, tỉnh Phú Thọ, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ933266, số vào sổ cấp GCN: CH 05833 do UBND huyện Y cấp ngày 28/01/2022 cho ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị C và các tài sản có trên đất. Tại phiên tòa, các đương sự ông B bà C và đại diện Ngân hàng thống nhất xác định, quá trình thực hiện hợp đồng ông B bà C xây dựng thêm 01 nhà cấp 4, diện tích 112,1m<sup>2</sup>. Tòa án đã tiến hành đo đạc và xem xét thẩm định tài sản thế chấp, xác định đất và tài sản có trên đất như trong hợp đồng thế chấp và xây dựng sau khi ký kết hợp đồng thế chấp là tài sản hợp pháp của ông B bà C.

Như vậy hợp đồng hạn mức tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ thể hiện hai bên đã thỏa thuận số tiền cho vay, thời hạn vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn do chậm trả gốc, hợp đồng thế chấp và giấy nhận nợ nêu trên đều được các bên tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện, đều được thực hiện đúng quy định của Pháp luật về hoạt động Ngân hàng

Việc giao kết hợp đồng hạn mức tín dụng và hợp đồng thế chấp đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định về tín dụng hiện hành, đều đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng; Số tiền bị đơn được vay của Ngân hàng tại thời điểm dư nợ so với giá trị tài sản thế chấp là phù hợp quy định của pháp luật; Các tài sản thuộc quyền sử

dụng và sở hữu của cá nhân khi đem thế chấp để vay tiền đều do người có quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp là ông B và bà C thực hiện ký kết (Đất và tài sản trên đất là tài sản của ông B và bà C) do đó sẽ không có ai khác có quyền lợi liên quan đến các tài sản này, vì vậy ông B và bà C định đoạt ký kết hợp đồng thế chấp là hợp pháp, quá trình thực hiện ông B bà C đã vi phạm hợp đồng, nay ông B bà C nhất trí trả các khoản nợ, nếu ông B bà C không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ông B bà C nhất trí các nội dung như Ngân hàng yêu cầu.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ pháp lý để chấp nhận; Nên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ lẽ ra bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; Tuy nhiên ông B là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, căn cứ quy định của Pháp luật về miễn án phí lệ phí Tòa án thì ông B đủ điều kiện được miễn toàn bộ tiền án phí; Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Về chi phí tố tụng (Đo đạc, xem xét thẩm định tài sản thế chấp): Số tiền chi phí tố tụng Ngân hàng đã tạm ứng là 25.000.000đồng, Tòa án đã chi phí tố tụng số tiền 20.000.000đồng, các bên đều nhất trí số tiền Tòa án đã chi phí. Ngân hàng đã nhận lại số tiền 5.000.000đồng. Trong số tiền 20.000.000 đồng đã chi phí, Ngân hàng và ông B bà C thỏa thuận, Ngân hàng hỗ trợ cho ông B bà C 5.000.000đồng, ông B bà C còn phải thanh toán cho Ngân hàng 15.000.000đồng, sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 271, điều 273, điều 147, khoản 1 điều 157, Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điều 116, 117, 120 và điều 357 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng điều 91 điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016, được công bố theo quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện LV.

- Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV số tiền nợ gốc quá hạn: 599.999.992đồng, lãi quá hạn: 12.260.959 đồng, lãi trong hạn: 16.493.688 đồng. Tổng nợ là: 628.755.000 đồng (Sáu trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng)

- Ông B bà C có trách nhiệm tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2023 theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HĐTD26b202286 ngày 08/3/2022 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 05/01/2023, ngày 06/01/2023, nếu ông B bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc không đầy đủ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông B bà C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Bưu điện LV.

- Nếu ông B bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Bưu điện LV có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự xử lý các tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số HĐT C 26b202286 ngày 08/3/2022 theo luật Thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

- Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thanh toán cho các khoản vay phát sinh tại hợp đồng tín dụng số HĐT C 26b202286 ngày 08/3/2022 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 05/01/2023, ngày 06/01/2023 thì Ngân hàng TMCP Bưu điện LV có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự kê biên phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông B bà C theo Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b, và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí:

- Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn B.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV số tiền tạm ứng án phí là 14.149.000đ (Mười bốn triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án số 0008656 ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Về chi phí tố tụng: Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV số tiền chi phí tố tụng là 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng).

- Khi án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí tố tụng, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(ĐÃ KÝ)**

**Bùi Xuân Trường**

